TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HS-ST
Ngày: 24-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Nam Hưng
2. Ông Đoàn Hùng Đạt

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 1026/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Lê K, tên gọi khác: không; sinh ngày: 17/11/2003 tại thành phố Đà Nẵng; Căn cước công dân số: 048203005607; ngày cấp: 13/05/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: TDP A, phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê M (sinh năm 1969) và bà Đặng Thị V (sinh năm 1985); vợ; con: chưa.

Tiền án: chưa;

Tiền sự: chưa.

Nhân thân: Tháng 4/2024, Lê K đăng ký đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở xã hội B2 (nay là Cơ sở cai nghiện số 1 – Công an thành phố Đ) trong thời hạn 06 tháng, đến ngày 10/10/2024 thì chấp hành xong theo GCN số: 334/GXN – CSXHBB của Cơ sở xã hội B2. Ngày 22/10/2024 Chủ tịch Ủy Ban nhân dân xã H ban hành Quyết định số: 271/QĐ-UBND quản lý sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú với thời hạn 01 năm, kể từ ngày 10/10/2024 đến ngày 10/10/2025.

Nhân thân: Ngày 19/06/2021, bị Công an xã H, huyện H, TP Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi "*Say rượu, bia gây mất trật tự công cộng*" theo Quyết định số: 24/QĐ – XPHC (*đã chấp hành xong ngày 08/10/2021*).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam Hòa Khánh thuộc Trại tạm giam số 01 Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị V, sinh năm 1985; Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố A, phường H, thành phố Đà Nẵng (SĐT: 0986.657.804) (*có mặt*).

+ Người làm chứng: Ông Hồ C, sinh năm 1970; (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào thời điểm trước ngày 17/12/2025 khoảng một tuần, Lê K có nhu cầu sử dụng ma tuý nên đã dùng số điện thoại 0795654748 do mình đứng tên đăng ký chủ sở hữu liên hệ cho một thanh niên tên B (chưa rõ lai lịch) hỏi mua 500.000 đồng ma tuý đá, B đồng ý bán và hẹn giao dịch tại một kiệt (không nhớ rõ địa chỉ cụ thể) trên đường Đ, TP .. Sau đó Lê K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu LIBERTY, gắn BKS: 43C1 – 325.01 đến địa chỉ nêu trên gặp B lấy ma tuý và trả tiền mặt rồi điều khiển xe đến một cửa hàng tạp hóa gần khu vực Bệnh viện Đ (không nhớ rõ địa chỉ) mua một nỏ thủy tinh có kèm theo một ống hút với giá 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*) mang về nhà tại TDP A, phường H sau đó vào phòng ngủ của mình sử dụng các dụng cụ khác có sẵn như bật lửa, chai nhựa tự tạo ra bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và một mình sử dụng hết số ma túy trên. Sau khi sử dụng xong, Lê K đập vỡ bộ dụng cụ rồi vứt vào bao rác. Đến ngày 17/11/2025 Công an phường H tiến hành kiểm tra thử test ma túy đối với K, kết quả dương tính với ma túy đá nên tiến hành thu mẫu nước tiểu niêm phong ký hiệu A gửi giám định. Ngoài ra còn thu giữ thêm 01 xe mô tô nhãn hiệu LIBERTY BKS: 43C1 – 325.01; số khung: RP8M73400DV110821; số máy: M737M5012058 và 01 Giấy nhận đăng ký xe số 43 004921 do bà Đặng Thị V đứng tên chủ sở hữu giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số: 1511/KL – KTHS ngày 24/12/2025 của Phòng K1 CATP. Đà Nẵng kết luận: Tìm thấy chất ma tuý loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Lê K ký hiệu A gửi giám định.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định: Ngày 22/10/2024 UBND xã H cũ (nay là P. H, TP .) đã ra Quyết định số: 271/QĐ – UBND về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú đối với Lê K, thời gian từ ngày 10/10/2024 đến ngày 10/10/2025. Tuy nhiên, từ tháng 01/2025 đến tháng 11/2025, K bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho Cơ quan Công an biết. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Nghị định 116/2021/NĐ – CP ngày 21/12/2021 của Chính Phủ trường hợp này Lê K chưa chấp hành xong Quyết định quản lý sau cai nêu trên.

Cáo trạng số 53/CT-VKSDN-KV4 ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng truy tố Lê K về tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê K phạm tội "*Sử dụng trái phép chất ma tuý*".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê K từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; tuyên xử:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 túi niêm phong bằng giấy có mã số PS2 2123599, tại miệng túi có dán băng keo màu đỏ. Trên túi niêm phong có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên. Bên trong túi niêm phong có toàn bộ vỏ bao gói mẫu nước tiểu gửi giám định được niêm phong hoàn trả (*Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án Khu vực 4 – Đà Nẵng*).

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu LIBERTY, biển kiểm soát: 43C1 – 325.01; số khung: RP8M73400DV110821; số máy: M737M5012058 và Giấy nhận đăng ký xe số: 43 004921. Quá trình điều tra xác định Lê K tự ý lấy đi sau đó sử dụng vào việc phạm tội, bà V không biết. Do đó, ngày 11/5/2026 Cơ quan Cảnh sát điều Công an thành phố Đ trả lại xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và không xem xét trách nhiệm hình sự của bà V trong trường hợp này là có cơ sở nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Lê K không có ý kiến tranh luận, đối đáp gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị V không có ý kiến tranh luận gì.

- Bị cáo Lê K được nói lời nói sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với những lời khai trong quá trình điều tra; biên bản làm việc; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc; sơ đồ nơi xảy ra sự việc; bản kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào trước thời điểm ngày 17/12/2025 khoảng một tuần, Lê K có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma tuý nên đã liên lạc với đối tượng tên B để mua ma tuý về sử dụng tại nhà ở của cha mẹ tại TDP An Ngãi T phường H, thành phố Đà Nẵng và bị Công an mời về làm việc. Tại kết luận giám định số: 1511/KL-KTHS ngày 25/12/2025 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận: "*Tìm thấy chất ma tuý Methamphetamine trong mẫu nước tiểu thu của Lê K ký hiệu A gửi giám định*". Lê K là người thuộc diện quản lý sau cai nghiện theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng trong thời hạn từ ngày 10/10/2024 đến ngày 10/10/2025. Tuy nhiên, từ tháng 01/2025 đến tháng 11/2025, Lê Khương B1 đi khỏi địa phương mà không thông báo cho Cơ quan Công an biết, không chịu sự quản lý sau cai nghiện nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 79 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ thì Lê K chưa chấp hành xong Quyết định quản lý sau cai nên Lê K vẫn đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma tuý theo quy định của Luật phòng, chống ma tuý. Lê K vẫn cố ý sử dụng trái phép chất ma tuý để thoả mãn nhu cầu của bản thân nên đã phạm vào tội "*Sử dụng trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017, 2024, 2025 như Cáo trạng số 53/CT-VKSDN-KV4 ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma tuý, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; bị cáo biết việc sử dụng trái phép chất ma tuý là hành vi vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân; nhân thân của bị cáo xấu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi "*say rượu, bia gây mất trật công cộng*". Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục để bị cáo có thời gian từ bỏ việc sử dụng trái phép chất ma tuý, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời nhằm mục đích phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử xét thấy cần: Tịch thu tiêu huỷ: 01 túi niêm phong bằng giấy có mã số PS2 2123599, tại miệng túi có dán băng keo màu đỏ, trên túi niêm phong có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên. Bên trong túi niêm phong có toàn bộ vỏ bao gói mẫu nước tiểu gửi giám định được niêm phong hoàn trả.

(*Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án Khu vực 4 – Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đ với đại diện Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ngày 28/5/2026*).

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu LIBERTY, biển kiểm soát: 43C1 – 325.01; số khung: RP8M73400DV110821; số máy: M737M5012058 và Giấy nhận đăng ký xe số: 43 004921 do bà Đặng Thị V là chủ sở hữu. Quá trình điều tra xác chiếc xe nêu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều Công an thành phố Đ trả lại xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Đặng Thị V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Đối với đối tượng tên B là người đã bán ma tuý cho Lê K sử dụng. Hiện nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của B nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có cơ sở.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê K phạm tội: *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Tuyên xử,

Xử phạt: Bị cáo Lê K 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 02 năm 2026.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Tuyên xử:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 túi niêm phong bằng giấy có mã số PS2 2123599, tại miệng túi có dán băng keo màu đỏ, trên túi niêm phong có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1, chữ ký của Giám định viên, Điều tra viên. Bên trong túi niêm phong có toàn bộ vỏ bao gói mẫu nước tiểu gửi giám định được niêm phong hoàn trả.

(*Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án Khu vực 4 – Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát*

Điều tra Công an thành phố Đ với đại diện Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ngày 28/5/2026)

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bị cáo Lê K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Tuyên xử: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra CATP Đà Nẵng;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện

TAND KHU VỰC 4
2VI240626.TL.QDBA
1681